

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HSST
Ngày: 18-02-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Trãi

2/ Ông Hồ Minh Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1) Nguyễn Thành L, sinh năm 2007 tại Hậu Giang.

Nơi đăng ký thường trú: Không; Nơi tạm trú: Không; Nơi ở hiện tại: Sống lang thang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc V (chết) và bà Thị L1 (tên gọi khác: Danh Tuyết P), sinh năm 1982 (sống); chị ruột: có 02 người, cùng sinh năm 2006; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị can bị bắt do truy nã tạm giữ từ ngày 05/11/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2) **Nguyễn Thành Đ**, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1999 tại Cần Thơ.

Nơi thường trú: Khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nơi ở hiện tại: Ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 (sống) và bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1978 (sống); em ruột: có 01 người, sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L:*

Ông **Lưu Ngọc S** – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước thành phố C. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1) Ông **Quách Thanh T1**, sinh năm 1995. Đăng ký thường trú: Số E, đường Cách mạng tháng tám, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở hiện nay: Khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

2) Ông **Trần Thanh P1**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

3) Ông **Lâm Văn C**, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số A, khu V, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

4) Ông **Bùi Tấn T2**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Ông **Nguyễn Hồng Q**, sinh năm 1982. Đăng ký thường trú: Khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Xin vắng mặt)

2) Ông **Nguyễn Văn L2**, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Xin vắng mặt)

3) Ông **Huỳnh Duy K**. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. (Xin vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1) Bà **Thị L1** (tên gọi khác: Danh Tuyết P), sinh năm 1982. Đăng ký

thường trú: Xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2) Bà **Phan Thị Hồng H**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo tin báo về tội phạm do ông Quách Thanh T1 báo về vụ việc vào ngày 20/3/2024 ông T1 bị mất trộm một xe mô tô YAMAHA Mio, biển số 65B1-053.22. Qua truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ xác định Nguyễn Thành L là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các xe mô tô trên địa bàn quận Ô, cụ thể Nguyễn Thành L khai nhận đã thực hiện 04 (bốn) vụ trộm như sau:

Vụ 1: Vào khoảng hơn 18 giờ ngày 16/3/2024, L đi bộ một mình hướng từ thành phố Cần Thơ về quận Ô, đến khu vực Bình Phước, phường P, quận Ô thấy có một xe mô tô nhãn hiệu FAVOUR (dạng Wave) màu xanh, biển số 68T8- 5582, đậu ở trên vỉa hè không có ai canh giữ nên lại gần tháo dây mát của xe, dẫn bộ một đoạn thì đạp nổ máy xe mô tô và chạy về dốc cầu Ô để cất giấu. Đến gần 17 giờ ngày 17/3/2024, L mang xe vừa lấy trộm được đi bán cho tiệm thu mua phế liệu “Thành Đạt” tại khu vực H, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ bán cho Nguyễn Thành Đ với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hiện đã thu hồi được xe, chủ sở hữu xe là ông Bùi Tấn T2, xe này ông T2 mua xe cũ, chưa sang tên, giấy tờ thể hiện chủ xe là ông Huỳnh Duy K.

Vụ 2: Vào khoảng 20 giờ ngày 20/3/2024, L lại quán C1 ở khu công nghiệp T, phường P, quận Ô để tìm vợ tên Trương Thị Trúc L3 (chưa đăng ký kết hôn) thì thấy có một xe mô tô nhãn hiệu Mio, màu trắng nâu, biển số 65B1-053.22 đậu trước cửa quán có gắn chìa khóa xe trên ổ khóa, không thấy có ai trông coi xe nên mở khóa chạy đi. Sau đó, L chạy lên phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương rồi bán cho ông Nguyễn Hồng Q với giá 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hiện đã thu hồi được xe, chủ sở hữu là ông Quách Thanh T1, xe do ông T1 mua lại có hợp đồng nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

Vụ 3: Sau khi bán xe ở Bình Dương xong thì L bắt xe khách về bến xe C, sau đó đi xe bus đến ngã tư I (Xi măng T đô). Đến khoảng 13 giờ ngày 21/3/2024, L đi bộ hướng lên cầu S, vừa qua cầu S thì thấy có một xe mô tô màu xanh, biển số 65F5- 8014 đậu trên vỉa hè, bên hông cơ sở cất gạch men. L lại

tháo dây mát của xe mô tô nêu trên và chạy đi đến tiệm T3 “Thành Đạt” tại khu V, phường T, quận Ô bán cho Nguyễn Thành Đ được 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hiện đã thu hồi được xe, chủ sở hữu là ông Lâm Văn C, ông C mua xe cũ nhưng chưa sang tên, chủ sở hữu cũ tên Nguyễn Văn L2.

Vụ 4: Cũng trong ngày 21/3/2024, sau khi bán xe mô tô biển số 65F5-8014 cho tiệm thu mua phế liệu “Thành Đạt” thì L đi bộ lại tiệm xăm của ông Trần Thanh P1 tại khu vực H, phường T, quận Ô để xăm. Khi đến tiệm thì L có đưa cho ông P1 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để xăm hình. Luân quan sát thấy có một xe mô tô nhãn hiệu Winner, biển số 65E1- 422.36 đậu ở trước cửa tiệm xăm, còn chìa khóa để trên bàn trong tiệm. L kêu anh thợ xăm chuẩn bị còn L lấy chìa khóa xe rồi bước ra ngoài, quay lại nhìn thấy anh thợ xăm không để ý nên mở chìa khóa đề máy xe mô tô và bỏ chạy vào khu Công nghiệp thuộc quận Ô thì bị lực lượng Công an quận Ô phát hiện, đưa về trụ sở làm việc. Hiện đã thu hồi được xe, chủ sở hữu là ông Trần Thanh P1.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 36/KL-HĐĐGTS ngày 09/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Ô kết luận:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 68T8-5582, nhãn hiệu: FAVOUR, màu xanh, số máy: HC09E-0137391, số khung: 4UM5X006678, đã qua sử dụng (đã thu hồi được) vào thời điểm xảy ra mất trộm ngày 16/3/2024 có giá trị là 1.833.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 65B1-053.22, nhãn hiệu: YAMAHA, màu trắng nâu, số máy: 23C1044533, số khung: 3C10BY044532, đã qua sử dụng (xe đã thu hồi được) vào thời điểm xảy ra mất trộm ngày 20/3/2024 có giá trị là 7.333.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 65F5-8014, nhãn hiệu: FASTER, màu xanh, số máy: C152FMH01890322, số khung: LWGXCHL00153517, đã qua sử dụng (xe đã thu hồi được) vào thời điểm xảy ra mất trộm ngày 21/3/2024 có giá trị là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

+ 01 (một) xe mô tô biển số 65E1-422.36, nhãn hiệu: HONDA, loại xe WINNER, màu đỏ đen trắng, số máy: KC26E1273022, số Khung: 2606KY009759, đã qua sử dụng (xe đã thu hồi được) vào thời điểm xảy ra mất trộm ngày 21/3/2024 có giá trị là 12.667.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Về độ tuổi của Nguyễn Thành L: Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số: 50/KLGĐĐT-TTPYCT ngày 25/4/2024 của Trung tâm pháp y thành

phổ C xác định Nguyễn Thành L có độ tuổi là 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng (tại thời điểm giám định ngày 22/3/2024). Đã trích lục giấy khai sinh thể hiện L sinh ngày 17/4/2008 nhưng qua làm việc với bà Thị L1 là mẹ ruột của L thì L sinh năm 2007, không nhớ rõ ngày tháng, đến năm 2008 mới đi đăng ký khai sinh cho L nên lấy đại ngày và do không biết chữ, không có giấy tờ nên khai tên thường gọi là Danh Tuyết P.

Xác minh những người đã mua xe của Nguyễn Thành L gồm:

- Nguyễn Thành Đ đã mua lại 02 (hai) xe mô tô của Nguyễn Thành L: Lần thứ nhất vào ngày 17/3/2024, Đ mua xe mô tô biển số 68T8-5582 thì Đ không biết rõ nguồn gốc của xe từ đâu mà có, lúc bán L nói là xe của L, vì cần tiền tiêu xài nên bán; Lần thứ hai vào ngày 21/3/2024, Đ mua xe mô tô biển số 65F5-8014 thì Đ biết là xe mô tô đó là do L trộm của người khác mà có vì xe không có giấy tờ, L bán với giá rẻ và L từ nơi khác đến, còn nhỏ tuổi mà liên tục có xe để bán; mục đích mua để tháo gỡ phụ tùng xe ra bán có giá cao hơn mua các phế liệu khác, vì lợi nhuận Đ biết rõ xe mô tô trên là do L trộm của người khác mà có mà vẫn mua.

- Nguyễn Hồng Q mua xe biển số 65B1-053.22 của Nguyễn Thành L vào ngày 21/3/2024. Q khai khi bán hủ tiếu thì có mua lại một xe mô tô Mio biển số 65B1-053.22 do một người thanh niên khoảng 16-17 tuổi đến cầm đỡ vài ngày với giá 1.000.000 đồng, do tội nghiệp nên nhận cầm, không biết nguồn gốc xe từ đâu mà có.

Đối với Nguyễn Thành L: Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội có độ tuổi từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự. Vào các ngày 16/3/2024, 20/3/2024, 21/3/2024, L đã thực hiện 04 (bốn) vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn quận Ô, trong đó 01 (một) xe mô tô biển số 68T8-5582 có giá trị là 1.833.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng, dưới 2.000.000 đồng) chưa đủ định lượng và 03 xe mô tô có giá trị trên 2.000.000 đồng gồm 01 (một) xe mô tô biển số 65B1-053.22 có giá trị là 7.333.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), 01 (một) xe mô tô biển số 65F5-8014 có giá trị là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), 01 (một) xe mô tô biển số 65E1-422.36 có giá trị là 12.667.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Hành vi của Nguyễn Thành L đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Thành Đ: Đ đã mua xe của L hai lần, vào ngày 17/3/2024 mua xe mô tô biển số 68T8-5582 và ngày 21/3/2024 mua xe mô tô biển số 65F5-8014 cùng giá mỗi xe là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Mặc dù các lần

bán xe thì L không có nói về nguồn gốc xe nhưng do Đ tham rẻ, mua xe với giá phé liệu để bán lại kiếm lời, lần thứ nhất Đ mua xe có giá trị xe dưới 2.0000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng lần thứ hai Đ biết rõ L là đối tượng nhỏ tuổi, lạ mặt lại có xe bán liên tục, xe không có giấy tờ, không có chìa khóa xe nhưng vẫn đồng ý mua. Lời khai ngày 25/3/2024 và tờ tự khai cùng ngày, Đ khai biết rõ nguồn gốc xe là do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua nhưng các lời khai sau không thừa nhận. Nhận thấy, xe mô tô là loại tài sản phải đăng ký chủ sở hữu với cơ quan chức năng, nhưng vì lợi nhuận mà Đ đã đồng ý mua xe của L bán không rõ nguồn gốc, không có giấy tờ, không có chìa khóa xe, người bán xe còn nhỏ tuổi nên trường hợp này bắt buộc về ý thức Đ phải biết về nguồn gốc xe là không chính chủ và xe do L thực hiện hành vi trộm cắp mà có nên đủ cơ sở xác định Nguyễn Thành Đ đã có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Nguyễn Hồng Q: Vào ngày 21/3/2024, lúc bán hủ tiếu thì ông Q có mua lại một xe mô tô Mio, biển số 65B1-053.22 do người thanh niên khoảng 16-17 tuổi đến cầm đỡ vài ngày với giá 1.000.000 đồng, do tội nghiệp nên nhận cầm, L không có nói cho ông Q biết về nguồn gốc xe từ đâu mà có nên chưa đủ cơ sở xử lý.

Đối với bà Phan Thị Hồng H: Bà là chủ cơ sở phé liệu T4 tại khu vực H, phường T, quận Ô có đăng ký kinh doanh với ngành nghề là mua bán phé liệu. Việc Đ đứng ra mua xe của L là do Đ tự thỏa thuận với L, bà H chỉ đưa tiền cho Đ trả cho L. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) xe mô tô biển số 68T8-5582, nhãn hiệu: FAVOUR, màu xanh, số máy: HC09E-0137391, số Khung: 4UM5X006678, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) xe mô tô biển số 65E1-422.36, nhãn hiệu: HONDA loại xe WINNER, số Khung: 2606KY009759, số máy: KC26E1273022, màu đỏ đen trắng, đã qua sử dụng. Đã xử lý trả lại cho ông Trần Thanh P1.

+ 01 (một) xe mô tô biển số 65B1-053.22, nhãn hiệu: YAMAHA, màu trắng nâu, số máy: 23C1044533, số khung: 3C10BY044532, đã qua sử dụng. Đã xử lý trả lại cho ông Quách Thanh T1.

+ 01 (một) xe mô tô biển số 65F5-8014, nhãn hiệu: FASTER, màu xanh, số máy: C152FMH01890322, số Khung: LWGXCHL00153517, đã qua sử dụng. Đã xử lý trả lại cho ông Lâm Văn C.

+ Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

+ 04 (bốn) bao thư niêm phong chứa đĩa ghi hình hỏi cung bị cáo và clip liên quan đến vụ án (chuyển cùng hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Quách Thanh T1, ông Trần Thanh P1, ông Lâm Văn C và ông Bùi Tấn T2 không yêu cầu bồi thường. Đối với ông Quách Thanh T1, ông Trần Thanh P1, ông Lâm Văn C đã được trả lại tài sản nên không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 25/CT-VKSOM ngày 20/01/2025 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô Môn để xét xử: Nguyễn Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Nguyễn Thành Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 101 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L mức án tù 09 (chín) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự; Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thành Đ số tiền từ 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng áp dụng: Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

+ Trả lại cho ông Bùi Tấn T2: 01 (một) xe mô tô biển số 68T8-5582, nhãn hiệu: FAVOUR, màu xanh, số máy: HC09E-0137391, số Khung: 4UM5X006678, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền do phạm tội mà có: Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

+ Tịch thu lưu hồ sơ: 04 (bốn) bao thư niêm phong chứa đĩa ghi hình hỏi cung bị cáo và clip liên quan đến vụ án (chuyển cùng hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L trình bày lời bào chữa: Thống nhất tội danh và điều luật truy tố bị cáo theo nội dung cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Nhận thấy bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, cha bị cáo chết, mẹ có gia đình khác nên bị cáo không được sự quan tâm chăm sóc, giáo dục, bị hại ông Trần Thanh P1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án 09 (chín) tháng tù.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tranh luận: Viện kiểm sát đã xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L, bị cáo phạm tội nhiều lần và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không thuộc trường hợp áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

- Người bào chữa cho bị cáo L tranh luận: Bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xét xử nên thuộc trường hợp phạm tội lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội.

- Bị hại ông Bùi Tấn T2 xin nhận lại xe mô tô biển số 68T8-5582 và không yêu cầu gì thêm.

- Bị hại ông Trần Thanh P1 không yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thành L.

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình

sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; lời khai của bị cáo thể hiện tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can; Biên bản ghi lời khai của người bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài nên bị cáo Nguyễn Thành L lợi dụng sơ hở khi các ông Quách Thanh T1, ông Trần Thanh P1, ông Lâm Văn C và ông Bùi Tấn T2 không cảnh giác trong việc quản lý tài sản nên bị cáo L đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản, cụ thể: Lấy trộm tài sản vào các ngày 16/3/2024, 20/3/2024, 21/3/2024 gồm: 01 (một) xe mô tô biển số 68T8-5582 có giá trị là 1.833.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng, dưới 2.000.000 đồng) chưa đủ định lượng; 03 (ba) xe mô tô có giá trị trên 2.000.000 đồng gồm: 01 (một) xe mô tô biển số 65B1-053.22 có giá trị là 7.333.000 đồng (Bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), 01 (một) xe mô tô biển số 65F5-8014 có giá trị là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), 01 (một) xe mô tô biển số 65E1-422.36 có giá trị là 12.667.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản vào ngày 20/3/2024 và ngày 21/3/2024 là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng). Hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ đã mua xe mô tô của bị cáo L 02 lần như sau: Ngày 17/3/2024 mua xe mô tô biển số 68T8-5582 và ngày 21/3/2024 mua xe mô tô biển số 65F5-8014 cùng giá tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Khi mua xe mô tô bị cáo Đ biết rõ bị cáo L là người nhỏ tuổi, lạ mặt lại có xe bán liên tục, xe không có giấy tờ, không có chìa khóa nhưng vẫn mua. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2024 và Tờ tự khai cùng ngày 25/3/2024, bị cáo Đ khai nhận biết rõ nguồn gốc xe mô tô bị cáo L bán là do trộm cắp mà có. Xe mô tô là loại tài sản phải đăng ký chủ sở hữu và thực hiện việc chuyển quyền sở hữu xe theo quy định pháp luật nhưng vì lợi nhuận mà bị cáo Đ đồng ý mua xe với giá rẻ. Tại phiên tòa, bị cáo Đ thừa nhận khi mua xe bị cáo có nghi ngờ và biết được xe mô tô biển số 65F5-8014 do bị cáo L bán cho bị cáo là do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo Đ đã đủ

yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo L là người chưa thành niên, khả năng nhận thức hành vi còn hạn chế, nhưng bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo chỉ vì tham lam, muốn có tiền nhanh chóng để phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Do đó, để có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, giúp đỡ bị cáo sửa chữa hành vi sai trái của mình, sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

Bị cáo Đ là người đã trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có trình độ, hiểu biết, đủ khả năng nhận thức hành vi phạm tội, biết rõ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để thu lợi bất chính. Do đó, cần thiết phải có một hình phạt phù hợp với hành vi của bị cáo để nhằm giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người chưa thành niên, có hoàn cảnh khó khăn do cha chết, mẹ có gia đình khác và đi làm ăn xa nên bị cáo thiếu sự quan tâm, nuôi dưỡng, giáo dục từ gia đình; bị hại Trần Thanh P1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo L thống nhất nội dung Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo L: Xét bị cáo L đã phạm tội nhiều lần nhưng chưa bị kết án, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, sau đó đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được coi là phạm tội lần đầu. Việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L là chưa phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết theo quy định tại điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để cân nhắc hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Bên cạnh đó, bị cáo Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự thể hiện ở việc trước lần phạm tội này bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, bị cáo chưa được hưởng lợi từ việc mua xe mô tô. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Đ có đủ điều kiện về kinh tế để thi hành án hình phạt tiền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự. Do vậy, phạt tiền đối với bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

Đối với ông Nguyễn Hồng Q có mua xe mô tô biển số 65B1-053.22 do bị cáo L bán, nhưng không biết là tài sản do bị cáo L trộm cắp mà có nên không đủ cơ sở xử lý là phù hợp.

Đối với bà Phan Thị Hồng H là chủ cơ sở phế liệu T4, việc bị cáo Đ mua xe của bị cáo L là do bị cáo Đ tự thỏa thuận với bị cáo L, bà H chỉ đưa tiền cho bị cáo Đ trả cho bị cáo L nên không đủ cơ sở để xử lý là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Nguyễn Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố: Nguyễn Thành Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành L.

Xử phạt: Nguyễn Thành L 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/11/2024.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; Điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ.

Xử phạt: Nguyễn Thành Đ số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Bùi Tấn T2: 01 (một) xe mô tô biển số 68T8-5582, nhãn hiệu: FAVOUR, màu xanh, số máy: HC09E-0137391, số Khung: 4UM5X006678, đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn quản lý theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/01/2025 của Công an quận Ô)

- Tịch thu lưu hồ sơ: 04 (bốn) bao thư niêm phong chứa đĩa ghi hình hỏi cung bị cáo và clip liên quan đến vụ án (chuyển cùng hồ sơ vụ án).

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Q1 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Công an Q. Ô Môn;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng